

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 30 - 9- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Ân; bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/Q2/QĐST - HNGĐ ngày 30/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th-** Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn EB, xã TL, huyện TT - TH.

Tạm trú: Thôn YK, xã TB, huyện TT - TH.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn L** - Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn EB, xã TL, huyện TT - TH.

Tại phiên tòa có mặt chị Thao. Anh L vắng mặt lần thứ 2 (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th và anh Bùi Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2002 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã TB, huyện TT, tỉnh THV. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì bất đồng nhiều quan điểm sống, vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Th và anh L đã sống ly thân 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Th đã về quê ngoại tại xã TB, huyện TT, tỉnh TH sinh sống. Đến

nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Th yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Nhật L1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/8/2003 và Bùi Nhật Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/9/2014. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật Q, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Bùi Nhật L1 đã hơn 18 tuổi nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn L để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn L. Giao cháu Bùi Nhật Q, sinh ngày 03/9/2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn L. Anh L có nơi cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh L và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây

là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện TT, tỉnh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Th và anh L đã sống ly thân 02 năm nay. Điều đó chứng tỏ chị Th và anh L đã không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Th và anh L có 02 con chung là Bùi Nhật L1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/8/2003 và Bùi Nhật Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/9/2014. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật Q, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Bùi Nhật L1 đã hơn 18 tuổi nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay cháu Bùi Nhật Q đang ở với chị Thao, được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu Bùi Nhật Q, nếu bố mẹ ly hôn cháu Q muốn ở với mẹ. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị Th và cháu Q. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Q. HĐXX thấy: Hiện nay chị Th đang là công nhân may mặc, có thu nhập bình quân 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) một tháng. Như vậy chị Th có đủ điều kiện để đảm bảo cho cháu Q sinh hoạt và học tập tốt. Vì vậy chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q của chị Thao. Giao cháu Bùi Nhật Q cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị Th, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Cháu Bùi Nhật L1, sinh ngày 03/8/2003, hiện đã trên 18 tuổi, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật Q (Giới tính: Nam), sinh ngày 03/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được năn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/00076 95 ngày 15/7/2022. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị Th vắng mặt anh Bùi Văn L. Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thạch Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

